

THÔNG BÁO

Kết quả quan trắc chất lượng nước phục vụ vùng nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh Cà Mau (đợt 12 năm 2026)

Để tăng cường công tác giám sát và kiểm soát chất lượng môi trường nước trên các tuyến sông cấp nước phục vụ vùng nuôi tôm nước lợ năm 2026, Chi cục Thủy sản Cà Mau phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu môi trường và bệnh thủy sản miền Nam thực hiện lấy mẫu quan trắc môi trường nước mặt tại 23 điểm trên các tuyến sông thuộc địa bàn tỉnh Cà Mau từ ngày 01/8/2026 đến 03/8/2026 (đợt 12 năm 2026).

Các điểm quan trắc gồm: Kênh 30/4 – Phường Hiệp Thành, Kênh Xáng – phường Vĩnh Trạch, Kênh Cái Cùm – xã Vĩnh Hậu, Kênh Chùa Phật – xã Vĩnh Hậu, Kênh Gò Cát – xã Long Điền, Kênh Hộ Phòng – xã Long Điền, Kênh 9000 – xã Hồng Dân, Cửa biển Gành Hào – xã Gành Hào, Sông Bạc Liêu – phường Bạc Liêu, Kênh Trường Sơn – phường Hiệp Thành, Kênh số 3 – xã Vĩnh Hậu, Kênh Mương 7 – xã Vĩnh Hậu, Ngã 3 Vàm Đám – xã Tân Tiến, Sông Đầm Dơi – xã Đầm Dơi, Sông Cái Đoi – xã Phú Tân, Ngã 3 Vàm Đình – xã Phú Mỹ, Cống Đá Kênh 4 – Hòa Mỹ – xã Hưng Mỹ, Lương Thế Trân – xã Lương Thế Trân và phường Lý Văn Lâm, Sông Cái Đoi Vàm – xã Cái Đoi Vàm, Sông Đường Chéo (Đường Kéo) – xã Tân Ân, Kênh Xáng Độ Cường – phường Hòa Thành và xã Trần Phán, Sông Thị Tường – xã Hưng Mỹ, Kênh Xáng Tân Hưng – xã Tân Hưng.

Các chỉ tiêu quan trắc bao gồm: nhiệt độ, pH, DO, độ mặn, độ kiềm, N-NO_2^- , N-NH_4^+ , P-PO_4^{3-} , N-NO_3^- , TSS, TP, *Chlorophyll a*, *Vibrio* tổng số, *Vibrio parahaemolyticus* tổng số và *Coliform* tổng số, EHP.

1. Kết quả chất lượng nước

(Kèm theo phụ lục kết quả phân tích chất lượng nước phục vụ vùng nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh Cà Mau đợt 12).

2. Đánh giá chất lượng nước

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
1	Kênh 30/4	45	Kém	DO, độ mặn, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 140 CFU/mL, Coliform = 24.000MPN/100mL (DO có qi = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Nước cấp cần được lắng, xử lý và diệt khuẩn trước khi đưa vào ao nuôi do ghi nhận dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng, Coliform cao và sự hiện diện của <i>Vibrio parahaemolyticus</i> .
2	Kênh Xáng	32	Kém	DO, độ mặn, N-NH ₄ ⁺ , TSS, <i>V.parahaemolyticus</i> = 250CFU/mL, Coliform = 24000 MPN/100mL (DO có qi = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Chất rắn lơ lửng, các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần lắng, xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
3	Kênh Cái Cùng	42	Kém	DO, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS (TSS có qi = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Chất rắn lơ lửng và các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao do đó cần lắng và xử lý nước trước khi cấp vào ao nuôi.
4	Kênh Chùa Phật	52	Trung bình	DO, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 40 CFU/mL (N-NH ₄ ⁺ có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nước cấp cần được lắng, xử lý và diệt khuẩn trước khi đưa vào ao nuôi do ghi nhận TSS, Coliform cao và sự hiện diện của <i>Vibrio parahaemolyticus</i> .
5	Kênh Gò Cát	35	Kém	DO, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 10 CFU/mL (DO, N-NH ₄ ⁺ có qi = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Nước cấp cần được lắng, xử lý và diệt khuẩn trước khi đưa vào ao nuôi do ghi nhận TSS, Coliform cao và sự hiện diện của <i>Vibrio parahaemolyticus</i> .

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
6	Kênh Hộ Phòng	90	Rất tốt	DO, N-NO ₂ ⁻ , TSS, <i>V.parahaemolyticus</i> = 80 CFU/mL	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản. Chất rắn lơ lửng, các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần lắng, xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
7	Kênh 9000	53	Trung bình	DO, độ mặn, N-NH ₄ ⁺ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 80 CFU/mL, Coliform = 24.000 MPN/100mL (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nước cấp cần được lắng, xử lý và diệt khuẩn trước khi đưa vào ao nuôi do ghi nhận Coliform cao và sự hiện diện của <i>Vibrio parahaemolyticus</i> .
8	Cửa biển Gành Hào	58	Trung bình	DO, N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 40 CFU/mL, Coliform = 24.000 MPN/100mL (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Đề nghị lắng, xử lý và diệt khuẩn nước cấp trước khi đưa vào ao nuôi do ghi nhận dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng, Coliform cao và sự hiện diện của <i>Vibrio parahaemolyticus</i> .
9	Sông Bạc Liêu	66	Trung bình	DO, độ mặn, N-NH ₄ ⁺	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Đề nghị theo dõi chặt chẽ diễn biến độ mặn, hạn chế lấy nước khi độ mặn giảm thấp hoặc biến động lớn; nước cấp cần được lắng và xử lý trước khi đưa vào ao nuôi.
10	Kênh Trường Sơn	39	Kém	DO, độ mặn, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ (DO có q _i = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Đề nghị theo dõi diễn biến độ mặn; nước cấp cần được lắng, xử lý trước khi đưa vào ao nuôi nhằm hạn chế ảnh hưởng của ô nhiễm dinh dưỡng.

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
11	Kênh số 3	33	Kém	DO, độ kiềm, P-PO ₄ ³⁻ , TSS, <i>V.parahaemolyticus</i> = 50 CFU/mL (DO, TSS có q _i = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Đề nghị bổ sung CaCO ₃ hoặc Dolomite để duy trì độ kiềm phù hợp; nước cấp cần được lắng, xử lý và diệt khuẩn trước khi đưa vào ao nuôi do ghi nhận TSS cao và sự hiện diện của <i>Vibrio parahaemolyticus</i> .
12	Kênh Mương 7	19	Rất kém	DO, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 20 CFU/mL (DO, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ có q _i = 1)	Không phù hợp cho nuôi trồng thủy sản, cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Đề nghị không lấy nước trực tiếp từ khu vực này; nước cấp phải được lắng, xử lý và diệt khuẩn kỹ trước khi đưa vào ao nuôi do ghi nhận ô nhiễm dinh dưỡng cao và sự hiện diện của <i>Vibrio parahaemolyticus</i> .
13	Ngã 3 Vàm Đầm	56	Trung bình	DO, N-NH ₄ ⁺ , <i>Vibrio</i> , <i>V.parahaemolyticus</i> = 200 CFU/mL (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Đề nghị nước cấp được lắng, xử lý và diệt khuẩn trước khi đưa vào ao nuôi do ghi nhận dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng, mật độ <i>Vibrio</i> cao và sự hiện diện của <i>Vibrio parahaemolyticus</i> .
14	Sông Đầm Dơi	59	Trung bình	DO, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 20 CFU/mL, Coliform = 11.000 MPN/100mL (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Đề nghị nước cấp được lắng, xử lý và diệt khuẩn trước khi đưa vào ao nuôi do ghi nhận dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng, Coliform cao và sự hiện diện của <i>Vibrio parahaemolyticus</i> .
15	Sông Cái Đôi	91	Rất tốt	DO, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 40 CFU/mL	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
					trước khi cấp vào ao nuôi. Chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
16	Ngã 3 Vàm Đình	59	Trung bình	DO, N-NO ₂ ⁻ (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng do đó cần xử lý nước trước khi cấp vào ao nuôi.
17	Cống Đá kênh 4 - Hòa Mỹ	58	Trung bình	DO, độ mặn, <i>V.parahaemolyticus</i> = 130 CFU/mL (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Đề nghị theo dõi chặt chẽ diễn biến độ mặn; nước cấp cần được lắng, xử lý và diệt khuẩn trước khi đưa vào ao nuôi do ghi nhận sự hiện diện của <i>Vibrio parahaemolyticus</i> .
18	Lương Thế Trân	54	Trung bình	DO, độ mặn, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 10 CFU/mL, Coliform = 46.000MPN/100mL (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Đề nghị theo dõi chặt chẽ diễn biến độ mặn; nước cấp cần được lắng, xử lý và diệt khuẩn trước khi đưa vào ao nuôi do ghi nhận dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng, Coliform cao và sự hiện diện của <i>Vibrio parahaemolyticus</i> .
19	Sông Cái Đôi Vàm	34	Kém	DO, N-NO ₂ ⁻ , TSS, <i>V.parahaemolyticus</i> = 50 CFU/mL, Coliform = 11.0000 MPN/100mL (DO, TSS có qi = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Đề nghị nước cấp được lắng, xử lý và diệt khuẩn trước khi đưa vào ao nuôi do ghi nhận TSS cao, dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng, Coliform cao và sự hiện diện của <i>Vibrio parahaemolyticus</i> .
20	Sông Đường Chéo (Đường Kéo)	57	Trung bình	DO, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 110CFU/mL, Coliform = 11.000 MPN/100mL	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi.

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
				(DO có q _i = 1)	Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi. Chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
21	Kênh Xáng Độ Cường	57	Trung bình	DO, độ mặn, <i>Vibrio</i> , <i>V.parahaemolyticus</i> = 100 CFU/mL (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Đề nghị theo dõi chặt chẽ diễn biến độ mặn; nước cấp cần được lắng, xử lý và diệt khuẩn trước khi đưa vào ao nuôi do ghi nhận mật độ <i>Vibrio</i> cao và sự hiện diện của <i>Vibrio parahaemolyticus</i> .
22	Sông Thị Tường	56	Trung bình	DO, độ mặn, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 10CFU/mL (DO có q _i = 1)	Đề nghị theo dõi chặt chẽ diễn biến độ mặn; nước cấp cần được lắng, xử lý và diệt khuẩn trước khi đưa vào ao nuôi do ghi nhận dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và sự hiện diện của <i>Vibrio parahaemolyticus</i> .
23	Kênh Xáng Tân Hưng	58	Trung bình	DO, độ kiềm, N-NH ₄ ⁺ (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Đề nghị bổ sung CaCO ₃ hoặc Dolomite để duy trì độ kiềm phù hợp; nước cấp cần được lắng và xử lý trước khi đưa vào ao nuôi.

Ghi chú: Chỉ số AWQI được đánh giá theo Quyết định 428/QĐ-TS-NTTS của Cục Thủy sản ký ngày 06/12/2023 về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn tính toán chỉ số chất lượng nước cho vùng nuôi trồng thủy sản nước ngọt, nước lợ và nước mặn.

3. Khuyến cáo

Kết quả quan trắc đợt 12 cho thấy có 08/23 điểm quan trắc có chất lượng nước từ kém đến rất kém. Chất lượng nước bị suy giảm chủ yếu do DO thấp, kết hợp với N-NH₄⁺, N-NO₂⁻, P-PO₄³⁻ tăng, TSS cao tại một số điểm. Riêng Kênh Gò Cát ghi nhận EHP dương tính (Ct = 36,83), cần đặc biệt lưu ý khi sử dụng nguồn nước.

Để hạn chế thiệt hại trong sản xuất, Chi cục Thủy sản khuyến cáo người nuôi chủ động thực hiện các biện pháp quản lý và chăm sóc tôm nuôi như sau:

- Người nuôi cần tăng cường theo dõi, kiểm tra các chỉ tiêu môi trường nước trong ao nuôi (DO , $N-NH_4^+$, $N-NO_2^-$, $P-PO_4^{3-}$ và TSS), đặc biệt sau các đợt mưa; duy trì mực nước phù hợp, gia cố bờ bao, cống và chủ động các biện pháp quản lý nhằm hạn chế thiệt hại do thời tiết bất lợi gây ra.

- Các cơ sở nuôi hạn chế lấy nước trực tiếp từ các khu vực có chất lượng nước kém và rất kém; nước cấp cần được lắng, xử lý và diệt khuẩn trước khi đưa vào ao nuôi.

- Đối với các khu vực ghi nhận sự hiện diện của *Vibrio parahaemolyticus*, cần tăng cường kiểm soát chất lượng nước cấp trước khi sử dụng; kiểm tra kỹ tình trạng bắt mồi của tôm nuôi, quan sát kỹ tôm nuôi nếu thấy bất thường về màu sắc gan tụy hoặc đường ruột tôm cần giảm lượng thức ăn, tăng cường quạt nước và bổ sung chế phẩm vi sinh.

- Đối với Kênh Gò Cát (EHP dương tính), cần hạn chế sử dụng trực tiếp nguồn nước; nếu phải cấp nước, phải xử lý triệt để, kết hợp tăng cường giám sát EHP trong ao nuôi nhằm hạn chế nguy cơ xâm nhập và phát tán mầm bệnh.

- Tại các khu vực có độ mặn thấp hoặc ngọt hóa, cần kiểm tra độ mặn trước khi cấp nước; chỉ lấy nước khi đạt yêu cầu đối với đối tượng nuôi và tránh cấp nước ngay sau các trận mưa lớn.

- Bên cạnh đó, thường xuyên kiểm tra pH ao/vuông nuôi và duy trì pH trong khoảng 7,5 – 8,5; chênh lệch giữa sáng và chiều không quá 0,5 đơn vị.

- Trong những ngày có mưa cần tháo bỏ lớp nước mặt trong và sau khi mưa, đồng thời tăng cường quạt nước để tránh hiện tượng phân tầng nước. Dùng vôi nông nghiệp hoặc vôi sống tạt trên bờ trước khi mưa, sau khi mưa hòa vôi trong nước tạt đều quanh ao/vuông nuôi (từ 10 – 20kg/1.000m² ao nuôi). Chủ động giảm hoặc ngưng cho tôm ăn trong thời gian mưa. Sau khi mưa cần bổ sung các chất tăng sức đề kháng, chế phẩm vi sinh giúp ổn định môi trường, hạn chế khí độc trong ao/vuông nuôi.

- Thường xuyên kiểm tra các yếu tố thủy lý, thủy hóa trong ao/vuông nuôi; theo dõi sức khỏe và hoạt động của tôm nuôi. Thực hiện quản lý thức ăn hợp lý; định kỳ vệ sinh đáy ao, loại bỏ bùn thải và chất hữu cơ tích tụ; duy trì môi trường nuôi ổn định nhằm hạn chế nguy cơ phát sinh dịch bệnh.

- Định kỳ bổ sung men tiêu hóa, vi lượng, khoáng chất, vitamin,... đặc biệt là vitamin C vào khẩu phần ăn hằng ngày để tăng sức đề kháng cho tôm nuôi.

- Ngoài ra, hộ nuôi nên thường xuyên theo dõi các thông báo, khuyến cáo của cơ quan chuyên môn và các tin tức trên

báo, đài và các trang thông tin điện tử chính thống để nắm bắt thông tin và có biện pháp ứng phó kịp thời khi cần thiết.

Trên đây là thông báo kết quả quan trắc chất lượng nước và khuyến cáo của Chi cục Thủy sản nhằm hỗ trợ người nuôi chủ động thực hiện các biện pháp quản lý môi trường nuôi, phòng ngừa dịch bệnh thủy sản.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Trung tâm Khuyến nông (p/h);
- Phòng Kinh tế các xã (p/h);
- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các phường (p/h);
- Ban biên tập Website Sở;
- Lưu: VT, NTTS_(Giang).

CHI CỤC TRƯỞNG

Đỗ Chí Sĩ

Phụ lục
KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU CHẤT LƯỢNG NƯỚC PHỤC VỤ VÙNG NUÔI TÔM NƯỚC LỢ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU (TỪ NGÀY 01/8 – 03/8/2026)
(Kèm theo Thông báo số /TB-CCTS ngày /8/2026 của Chi cục Thủy sản)

STT	Điểm quan trắc	Xã/ phường	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/l)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/l)	N-NO ₂ ⁻ (mg/l)	N-NH ₄ ⁺ (mg/l)	P-PO ₄ ⁻ (mg/l)	N-NO ₃ ⁻ (mg/l)	TSS (mg/l)	TP (mg/l)	Chlorophyll a (µg/l)	Vibrio (CFU/ml)	Vibrio parahaemolyticus (CFU/ml)	Coliform (MPN/ 100ml)	EHP
1	Kênh 30/4	Hiệp Thành	29	7,5	2,0	9	132,0	0,122	1,565	0,133	0,149	90,0	0,329	21,0	390	140	24.000	Âm tính
2	Kênh Xáng	Vĩnh Trạch	29	7,5	3,0	6	131,0	0,089	1,675	0,070	0,111	176,7	0,465	14,6	270	250	24.000	Âm tính
3	Kênh Cái Cù	Vĩnh Hậu	29	7,0	4,0	17	123,9	0,224	1,497	0,142	0,201	200,7	0,326	20,4	10	<1	2.400	Âm tính
4	Kênh Chùa Phật	Vĩnh Hậu	29	7,5	4,0	15	131,0	0,437	2,508	0,260	0,233	32,0	0,426	24,2	70	40	2.400	Âm tính
5	Kênh Gò Cát	Long Điền	28	7,5	2,0	15	148,2	0,180	2,422	0,150	0,206	63,0	0,380	47,4	160	10	2.400	Dương tính (36,83)
6	Kênh Hộ Phòng	Long Điền	28	7,0	4,0	22	102,5	0,281	0,015	0,052	0,185	108,5	0,178	10,8	90	80	2.400	Âm tính
7	Kênh 9000	Hồng Dân	29	7,5	2,0	5	107,6	0,029	0,626	0,056	0,074	13,5	0,209	27,2	330	80	24.000	Âm tính
8	Cửa biển Gành Hào	Gành Hào	29	7,2	2,0	25	102,5	0,290	0,176	0,145	0,156	19,5	0,250	9,5	570	40	24.000	Âm tính
9	Sông Bạc Liêu	Bạc Liêu	30	7,5	4,0	6	127,9	0,088	1,583	0,096	0,129	22,0	0,258	18,0	30	<1	4.600	Âm tính
10	Kênh Trường Sơn	Hiệp Thành	30	7,0	3,0	7	129,9	0,098	1,665	0,169	0,108	21,5	0,296	15,9	<1	<1	4.600	Âm tính
11	Kênh số 3	Vĩnh Hậu	29	7,5	3,0	21	151,3	0,025	0,235	0,210	0,112	646,0	0,248	95,6	1.000	50	2.400	Âm tính
12	Kênh Mương 7	Vĩnh Hậu	29	7,5	2,0	16	97,5	3,357	2,663	0,597	0,247	67,0	0,959	29,6	100	20	930	Âm tính
13	Ngã 3 Vàm Đầm	Tân Tiến	29	7,0	3,0	19	105,6	0,033	0,304	0,095	0,253	41,0	0,271	34,7	1.600	200	4.600	Âm tính
14	Sông Đầm Dơi	Đầm Dơi	29	7,5	3,0	10	106,6	0,037	0,342	0,107	0,133	36,0	0,294	30,6	80	20	11.000	Âm tính
15	Sông Cái Đôi	Phú Tân	29	7,5	4,0	13	103,6	0,107	0,423	0,045	0,139	9,5	0,172	41,3	90	40	KPH	Âm tính

STT	Điểm quan trắc	Xã/ phường	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/l)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/l)	N-NO ₂ ⁻ (mg/l)	N-NH ₄ ⁺ (mg/l)	P-PO ₄ ⁻ (mg/l)	N-NO ₃ ⁻ (mg/l)	TSS (mg/l)	TP (mg/l)	Chlorophyll a (µg/l)	<i>Vibrio</i> (CFU/ml)	<i>Vibrio</i> <i>parahaemolyticus</i> (CFU/ml)	<i>Coliform</i> (MPN/ 100ml)	EHP
16	Ngã 3 Vàm Đĩnh	Phú Mỹ	30	7,5	3,0	11	132,0	0,263	0,217	0,079	0,196	75,3	0,197	7,3	<1	<1	4.600	Âm tính
17	Cổng Đá kênh 4 - Hòa Mỹ	Hưng Mỹ	29	7,0	2,0	8	140,1	0,091	0,194	0,082	0,216	27,0	0,198	13,5	360	130	4.600	Âm tính
18	Lương Thế Trân	Xã Lương Thế Trân và phường Lý Văn Lâm	29	7,0	2,0	7	101,5	0,165	0,585	0,174	0,151	50,0	0,364	7,3	360	10	46.000	Âm tính
19	Sông Cái Đôi Vàm	Cái Đôi Vàm	29	7,5	3,0	17	111,7	0,348	0,023	0,063	0,350	210,7	0,253	18,4	410	50	110.000	Âm tính
20	Sông Đường Chéo (Đường Kéo)	Tân Ân	28	7,5	3,0	22	101,5	0,151	0,665	0,169	0,135	97,0	0,520	20,0	450	110	11.000	Âm tính
21	Kênh Xáng Độ Cường	Phường Hòa Thành và xã Trần Phán	29	7,0	3,0	8	105,6	0,034	0,294	0,090	0,129	36,7	0,717	29,8	1.300	100	4.600	Âm tính
22	Sông Thị Tường	Hưng Mỹ	29	7,0	2,0	7	139,1	0,156	0,343	0,177	0,176	20,0	0,262	7,2	180	10	430	Âm tính
23	Kênh Xáng Tân Hưng	Tân Hưng	29	7,0	3,0	10	54,8	0,048	0,542	0,055	0,102	67,0	0,227	15,4	100	<1	4.600	Âm tính